

STT	TEN_DVKT_PHEDUYET	DON_GIA
1	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	16000
2	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	13600
3	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trờ)	43500
4	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	28600
5	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	13600
6	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	39700
7	Khám Phục hồi chức năng	45000
8	Khám YHCT	45000
9	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	222300
10	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Lão học	222300
11	Giường Hồi sức cấp cứu Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu	418500
12	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu	222300
13	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Hồi sức cấp cứu	177300
14	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Nội tổng hợp	222300
15	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa nội tổng hợp	177300
16	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II- Khoa Y học cổ truyền	177300
17	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	66690
18	Giường YHCT ban ngày Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền	53190
19	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	222300
20	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Vật lý trị liệu - Phục hồi chức năng	177300
21	Ngày giường ban ngày Nội khoa loại 2 Bệnh viện hạng II	66690
22	Ngày giường ban ngày Nội khoa loại 3 Bệnh viện hạng II	53190
23	Đặt ống thông dạ dày	101800
24	Hút đờm hầu họng	14100
25	Thụt tháo phân	92400
26	Thông tiểu	101800
27	Kéo nắn cột sống cổ	54800
28	Xông hơi thuốc	50300
29	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	64300
30	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	101800
31	Thông bàng quang	101800
32	Thụt tháo	92400
33	Khí dung thuốc giãn phế quản	27500
34	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	148600
35	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	64900
36	Đặt sonde bàng quang	101800
37	Laser châm	52100
38	Kéo nắn cột sống thắt lưng	54800

39	Cấy chỉ châm điều trị liệt các dây thần kinh	156400
40	Cấy chỉ điều trị bại não	156400
41	Cấy chỉ điều trị bí đái	156400
42	Cấy chỉ điều trị bứt rứt cô đơn thuần	156400
43	Điện châm điều trị liệt chi dưới	78300
44	Điện châm điều trị liệt nửa người	78300
45	Điện châm điều trị bại não	78300
46	Điện châm điều trị khàn tiếng	78300
47	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	78300
48	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	78300
49	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	78300
50	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rãnh, đám rối và dây thần kinh	78300
51	Điện châm điều trị chấp lẹo	78300
52	Điện châm điều trị mất ngủ	78300
53	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	78300
54	Điện châm điều trị bệnh hồ mắt	78300
55	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	78300
56	Điện châm điều trị nôn nấc	78300
57	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	78300
58	Điện châm điều trị rối loạn trị đại, tiểu tiện	78300
59	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	78300
60	Điện châm điều trị huyết áp thấp	78300
61	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	78300
62	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	78300
63	Điện châm điều trị đau lưng	78300
64	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	78300
65	Điện châm điều trị chứng tic	78300
66	Thủy châm điều trị liệt	77100
67	Điện châm điều trị bí đái	78300
68	Điện châm điều trị bứt rứt cô đơn thuần	78300
69	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	78300
70	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	78300
71	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	78300
72	Thủy châm điều trị liệt chi trên	77100
73	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	77100
74	Thủy châm điều trị liệt nửa người	77100
75	Thủy châm điều trị teo cơ	77100
76	Thủy châm điều trị đau thần kinh tọa	77100
77	Thủy châm điều trị bại não	77100
78	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ	77100
79	Thủy châm điều trị giảm khứ giác	77100
80	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn	77100
81	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	77100
82	Thủy châm điều trị mất ngủ	77100
83	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	77100

84	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	77100
85	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	77100
86	Thủy châm điều trị giảm thị lực	77100
87	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	77100
88	Thủy châm điều trị giảm thính lực	77100
89	Thủy châm điều trị hen phế quản	77100
90	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	77100
91	Thủy châm điều trị bệnh vẩy nến	77100
92	Thủy châm điều trị dị ứng	77100
93	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp	77100
94	Thủy châm điều trị bí đái	77100
95	Thủy châm điều trị đau lưng	77100
96	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	77100
97	Thủy châm điều trị hội chứng vai gáy	77100
98	Thủy châm điều trị chứng tic	77100
99	Thủy châm điều trị cơn đau quặn thận	77100
100	Thủy châm điều trị bướt cổ đơn thuần	77100
101	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	77100
102	Thủy châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	77100
103	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	76000
104	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76000
105	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76000
106	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	76000
107	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	76000
108	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	76000
109	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bại não trẻ em	76000
110	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	76000
111	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	76000
112	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	76000
113	Xoa bóp bấm huyệt điều trị teo cơ	76000
114	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	76000
115	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	76000
116	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	76000
117	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	76000
118	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tăng huyết áp	76000
119	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	76000
120	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76000
121	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	76000
122	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	76000
123	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76000
124	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76000
125	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm cơ cứng cơ delta	76000
126	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón	76000

127	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	76000
128	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	76000
129	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40900
130	Thủy châm	77100
131	Cấy chỉ	156400
132	Kéo nắn cột sống thắt lưng	54800
133	Xông hơi thuốc	50300
134	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái	76000
135	Sửa lỗi phát âm	124000
136	Laser châm	52100
137	Sắc thuốc thang	14000
138	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	54800
139	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	85300
140	Bỏ thuốc	57600
141	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình	78300
142	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên	78300
143	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa	78300
144	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	78300
145	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress	78300
146	Điện nhĩ châm điều trị nôn	78300
147	Điện nhĩ châm điều trị cảm mạo	78300
148	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	78300
149	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em	78300
150	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	78300
151	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não	78300
152	Điện nhĩ châm điều trị cơn đau quận thận	78300
153	Điện nhĩ châm điều trị viêm bàng quang	78300
154	Điện nhĩ châm điều trị liệt dương	78300
155	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng	78300
156	Điện nhĩ châm điều trị cơn động kinh cục bộ	78300
157	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	78300
158	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn	78300
159	Điện nhĩ châm điều trị nấc	78300
160	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	78300
161	Điện nhĩ châm điều trị di tinh	78300
162	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện	78300
163	Điện nhĩ châm điều trị sa tử cung	78300
164	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	78300
165	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	78300
166	Điện nhĩ châm điều trị thống kinh	78300
167	Điện nhĩ châm điều trị đau hồ mắt	78300

168	Điện nhĩ châm điều trị táo bón kéo dài	78300
169	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi xoang	78300
170	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai	78300
171	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	78300
172	Điện nhĩ châm điều trị ù tai	78300
173	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn cảm giác nông	78300
174	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do ung thư	78300
175	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona	78300
176	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh	78300
177	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt	78300
178	Cấy chi điều trị tâm căn suy nhược	156400
179	Cấy chi điều trị viêm mũi dị ứng	156400
180	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V	78300
181	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	78300
182	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiêu hóa	78300
183	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp	78300
184	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp	78300
185	Điện nhĩ châm điều trị liệt rễ, đám rối dây thần kinh	78300
186	Cấy chi điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	156400
187	Cấy chi điều trị mày đay	156400
188	Cấy chi điều trị giảm thị lực	156400
189	Cấy chi điều trị mất ngủ	156400
190	Cấy chi hỗ trợ điều trị vẩy nến	156400
191	Cấy chi điều trị hội chứng tự kỷ	156400
192	Cấy chi điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	156400
193	Cấy chi điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	156400
194	Cấy chi châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	156400
195	Cấy chi điều trị nấc	156400
196	Cấy chi điều trị hội chứng tiền đình	156400
197	Cấy chi điều trị hen phế quản	156400
198	Cấy chi điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	156400
199	Cấy chi điều trị thất vận ngôn	156400
200	Cấy chi điều trị liệt chi trên	156400
201	Cấy chi điều trị liệt chi dưới	156400
202	Cấy chi điều trị viêm mũi xoang	156400
203	Cấy chi điều trị rối loạn tiêu hóa	156400
204	Cấy chi điều trị hội chứng vai gáy	156400
205	Cấy chi điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	156400
206	Cấy chi điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	156400
207	Cấy chi điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	156400
208	Cấy chi điều trị táo bón kéo dài	156400
209	Cấy chi hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	156400
210	Cấy chi điều trị viêm quanh khớp vai	156400
211	Cấy chi điều trị đau do thoái hóa khớp	156400

212	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	156400
213	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	156400
214	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh	156400
215	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	156400
216	Cấy chỉ điều trị di tinh	156400
217	Cấy chỉ điều trị liệt dương	156400
218	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	156400
219	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	78300
220	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	78300
221	Cấy chỉ điều trị đau lưng	156400
222	Cấy chỉ điều trị sa tử cung	156400
223	Điện châm điều trị hội chứng stress	78300
224	Điện châm điều trị trĩ	78300
225	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	78300
226	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	78300
227	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	78300
228	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	78300
229	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	78300
230	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	78300
231	Điện châm điều trị liệt chi trên	78300
232	Điện châm điều trị chấp lẹo	78300
233	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	78300
234	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	78300
235	Thủy châm điều trị giảm thính lực	77100
236	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	77100
237	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	77100
238	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	77100
239	Thủy châm điều trị thống kinh	77100
240	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	77100
241	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	77100
242	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	77100
243	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	78300
244	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	77100
245	Thủy châm điều trị mất ngủ	77100
246	Thủy châm điều trị hội chứng stress	77100
247	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	77100
248	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	77100
249	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	77100
250	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	77100
251	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	77100
252	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	77100
253	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	77100
254	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	77100

255	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	77100
256	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	77100
257	Thủy châm điều trị đau vai gáy	77100
258	Thủy châm điều trị hen phế quản	77100
259	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	77100
260	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	77100
261	Thủy châm điều trị đau dây V	77100
262	Thủy châm điều trị khàn tiếng	77100
263	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	77100
264	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	77100
265	Thủy châm điều trị liệt dương	77100
266	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	76000
267	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	76000
268	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	76000
269	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	77100
270	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	77100
271	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	77100
272	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	77100
273	Thủy châm điều trị đau lưng	77100
274	Thủy châm điều trị giảm thị lực	77100
275	Thủy châm điều trị di tinh	77100
276	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	77100
277	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	76000
278	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	76000
279	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	76000
280	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	76000
281	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	76000
282	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	76000
283	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	76000
284	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	76000
285	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	76000
286	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	76000
287	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	76000
288	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	76000
289	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	76000
290	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	76000
291	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V	76000
292	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	76000
293	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	76000
294	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	76000
295	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp	76000

296	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	76000
297	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	76000
298	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai	76000
299	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	76000
300	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	76000
301	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	76000
302	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông	76000
303	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	76000
304	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	76000
305	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	76000
306	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	37000
307	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	37000
308	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	37000
309	Cứu điều trị di tinh thể hàn	37000
310	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	37000
311	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	36700
312	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	36700
313	Giác hơi điều trị các chứng đau	36700
314	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	37000
315	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	37000
316	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	37000
317	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	279500
318	Điều trị bằng sóng ngắn	41100
319	Điều trị bằng từ trường	41900
320	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	48900
321	Điều trị bằng các dòng điện xung	44900
322	Điều trị bằng siêu âm	48700
323	Điều trị bằng tia hồng ngoại	40900
324	Điều trị bằng Parafin	46000
325	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	50800
326	Điều trị bằng sóng cực ngắn	41100
327	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	68900
328	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	59300
329	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	59300
330	Tập đi với gậy	33400
331	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	51800
332	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	59300
333	Tập đi với thanh song song	33400
334	Tập đi với khung tập đi	33400
335	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	33400
336	Tập lên, xuống cầu thang	33400
337	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	33400
338	Tập đi với chân giả trên gối	33400
339	Tập đi với bàn xương cá	33400
340	Tập đi với chân giả dưới gối	33400

341	Tập đi với khung treo	33400
342	Tập vận động có trợ giúp	59300
343	Tập vận động có kháng trở	59300
344	Tập vận động thụ động	59300
345	Tập vận động trên bóng	33400
346	Tập với thang tường	33400
347	Tập với bàn nghiêng	33400
348	Tập trong bồn bóng nhỏ	33400
349	Tập với ròng rọc	14700
350	Tập với dụng cụ chèo thuyền	33400
351	Tập thăng bằng với bàn bập bênh	33400
352	Tập với máy tập thăng bằng	33400
353	Tập với ghế tập mạnh cơ Tử đầu đùi	14700
354	Tập với xe đạp tập	14700
355	Tập các kiểu thở	32900
356	Tập ho có trợ giúp	32900
357	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	64900
358	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	54800
359	Kỹ thuật xoa bóp vùng	51300
360	Tập điều hợp vận động	59300
361	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)	318700
362	Tập tri giác và nhận thức	51400
363	Tập nuốt	173700
364	Tập nuốt	144700
365	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	77500
366	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	219700
367	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	58400
368	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	33400
369	Tập cho người thất ngôn	124000
370	Tập sửa lỗi phát âm	124000
371	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	162700
372	Điện tim thường	39900
373	Siêu âm tuyến giáp	58600
374	Ghi điện não đồ thông thường	75200
375	Điện tim thường	39900
376	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [$> 24 \times 30$ cm, 2 tư thế]	77300
377	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
378	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
379	Chụp X-quang hàm chéch một bên [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
380	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73300
381	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]	73300
382	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]	73300

383	Chụp X-quang răng toàn cảnh	72300
384	Chụp X-quang răng toàn cảnh [số hóa 1 phim]	73300
385	Chụp X-quang móm trâm [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
386	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
387	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
388	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	73300
389	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [$\leq 24 \times 30$ cm, 2 tư thế]	64300
390	Chụp X-quang Blondeau [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
391	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	73300
392	Chụp X-quang Hirtz [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
393	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	73300
394	Chụp X-quang hàm chềch một bên [số hóa 1 phim]	73300
395	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
396	Chụp X-quang Chausse III [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
397	Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]	73300
398	Chụp X-quang Schuller [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
399	Chụp X-quang Stenvers [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
400	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
401	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	73300
402	Chụp X-quang móm trâm [số hóa 1 phim]	73300
403	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [$> 24 \times 30$ cm, 2 tư thế]	77300
404	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
405	Chụp X-quang cột sống cổ chềch hai bên [$> 24 \times 30$ cm, 2 tư thế]	77300
406	Chụp X-quang cột sống cổ chềch hai bên [số hóa 1 phim]	73300
407	Chụp X-quang cột sống cổ chềch hai bên [số hóa 2 phim]	105300
408	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [$\leq 24 \times 30$ cm, 1 tư thế]	58300
409	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch [$> 24 \times 30$ cm, 2 tư thế]	77300
410	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch [số hóa 1 phim]	73300
411	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chềch [số hóa 2 phim]	105300
412	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
413	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
414	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chềch hai bên [$> 24 \times 30$ cm, 2 tư thế]	77300
415	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chềch hai bên [số hóa 1 phim]	73300

416	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chéo hai bên [số hóa 2 phim]	105300
417	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
418	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
419	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
420	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
421	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
422	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
423	Chụp X-quang khung chậu thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300
424	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	73300
425	Chụp X-quang khớp vai thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300
426	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
427	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
428	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300
429	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
430	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	73300
431	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
432	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
433	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
434	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
435	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
436	Chụp X-quang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	73300
437	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
438	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	73300
439	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
440	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
441	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	105300
442	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
443	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
444	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	73300
445	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên [số hóa 1 phim]	73300

446	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
447	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
448	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]	105300
449	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [số hóa 1 phim]	73300
450	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
451	Điện mẫn châm điều trị liệt do bệnh của cơ [kim dài]	85300
452	Điện mẫn châm điều trị bí đại [kim ngắn]	78300
453	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
454	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
455	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
456	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
457	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300
458	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
459	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
460	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300
461	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
462	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
463	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
464	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300
465	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 1 phim]	73300
466	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 1 phim]	73300
467	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
468	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
469	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300
470	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	73300
471	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	105300
472	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	105300
473	Chụp X-quang ngực thẳng [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300
474	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300

475	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
476	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [> 24x30 cm, 2 tư thế]	77300
477	Chụp X-quang đỉnh phổi ưỡn [> 24x30 cm, 1 tư thế]	64300
478	Điện mẫn châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp [kim dài]	85300
479	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên [kim ngắn]	78300
480	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên [kim dài]	85300
481	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới [kim ngắn]	78300
482	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới [kim dài]	85300
483	Điện mẫn châm điều trị liệt nửa người [kim ngắn]	78300
484	Điện mẫn châm điều trị liệt nửa người [kim dài]	85300
485	Điện mẫn châm điều trị liệt VII ngoại biên [kim ngắn]	78300
486	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn [dưới 10% diện tích cơ thể]	262900
487	Điện châm [kim ngắn]	78300